

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày 11/11/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh Huân
2. Ông Lê Duy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2019/TLST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS, ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V

Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 Đoàn Văn B, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ H. Văn bản ủy quyền số: 80/UQ-VH.18, ngày 13/6/2018.

Bà Phạm Thị Mỹ H ủy quyền lại cho Trương Thị Tường V. Văn bản ủy quyền số 80/UQTA-VH.18 ngày 30/4/2019.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/4/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:* Ngày 08/01/2015, ông Nguyễn Đức Thuận có ký kết hợp đồng tín dụng số 20150113-145024-0007 với công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng V để vay số tiền 47.475.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,92%/tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Nguyễn Đức Thuận phải thanh toán cho công ty số tiền 77.302.000 đồng, bao gồm cả tiền lãi và gốc, thanh toán trong thời hạn 36 tháng tính từ ngày 16/02/2015. Sau khi vay tiền, ông Thuận đã trả nhiều lần trả cho công ty số tiền 60.961.000 đồng. Tuy nhiên, đã hết thời hạn trả nợ, phía công ty đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông Thuận vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ còn lại của mình đối với công ty.

Nay công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng V yêu cầu ông Nguyễn Đức Thuận phải trả số tiền 16.341.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 7.500.237 đồng, nợ lãi 8.840.763 đồng (nợ lãi tính đến ngày 16/01/2018). Ngoài ra công ty không yêu cầu ông Thuận phải trả tiền lãi kể từ ngày 16/01/2018 đến ngày xét xử.

** Bị đơn Nguyễn Đức Thuận đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn, đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; khoản 03 Điều 26; Điều 147; khoản 02 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 471, 474, 476, 478 Bộ Luật dân sự năm 2005; các Điều 463, 466, 470 và Điều 688 Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến ngày 16/01/2018 là 16.341.000 đồng, Trong đó 7.500.237 đồng tiền nợ gốc và 8.840.763 đồng tiền nợ lãi.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng

Ngày 04/10/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Trương Thị Tường V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Nguyễn Đức T đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Ngày 08/01/2015, bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng số 20150113-145024-0007 với nguyên đơn, lãi suất vay thỏa thuận là 2,92%/tháng, thời hạn trả nợ là 36 tháng. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả hết số nợ cho ngân hàng. Theo quy định tại các Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự 2005 thì đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả gốc và lãi đến ngày 16/01/2018 với số tiền số tiền 16.341.000 đồng, trong đó: nợ gốc: 7.500.237 đồng, nợ lãi: 8.840.763 đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi đến ngày 16/01/2018 là hoàn từ tự nguyện, phù hợp với hợp đồng và pháp luật nên được chấp nhận.

Ngày 08/01/2015, ông Nguyễn Đức T có ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150113-145024-0007 với công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng V để vay số tiền 47.475.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, khoản trả hàng tháng 2.148.000 đồng (35 tháng đầu, tháng thứ 36 trả 2.122.000 đồng), ngày thanh toán hàng tháng: 16, lãi suất cho vay 35.00%/năm, lãi suất thỏa thuận là 2,92%/tháng.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 77.302.000 đồng, bao gồm cả tiền lãi và gốc, thanh toán trong thời hạn 36 tháng tính từ ngày 16/02/2015. Sau khi vay thì bị đơn thực hiện đúng như cam kết hợp đồng, bị đơn trả đến ngày 16/01/2018 thì bị đơn không tiếp tục trả tiền cho nguyên đơn mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở. Sau khi Tòa án thụ lý thì bị đơn tiếp tục trả cho nguyên đơn 2.500.000 đồng.

Bị đơn đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án về việc nguyên đơn yêu cầu trả nợ. Tuy nhiên, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn coi như thừa nhận nghĩa vụ của mình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đây được coi là tình tiết, sự kiện, tài liệu mà nguyên đơn đưa ra. Như vậy, bị đơn đã vi phạm đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150113-145024-0007 ngày 08/01/2015 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Theo kế hoạch trả nợ thì bị đơn trả nợ cho nguyên đơn từ ngày 16/02/2015 đến ngày 16/01/2018 với số tiền 77.302.000 đồng; trong đó nợ gốc 47.475.000 đồng, nợ lãi 29.827.000 đồng. Theo lịch sử thanh toán do nguyên đơn cung cấp thì từ ngày 04/3/2015 đến ngày 22/01/2019 bị đơn đã trả cho nguyên đơn 60.961.000 đồng.

Như vậy, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 16.341.000 đồng, trong đó: nợ gốc: 7.500.237 đồng, nợ lãi: 8.840.763 đồng tính đến ngày 16/01/2018.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 16.341.000 đồng x 5% = 817.000 đồng.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; khoản 03 Điều 26, Điều 147, khoản 02 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 471, 474, 476, 478 Bộ Luật dân sự năm 2005; Các Điều 463, 466, 470 và Điều 688 Bộ Luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V

Buộc ông Nguyễn Đức T phải trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V số tiền gốc và lãi tính đến ngày 16/01/2018 theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150113-145024-0007 ngày 08/01/2015 là 16.341.000 đồng (*Mười sáu triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng*). Trong đó 7.500.237 đồng (*bảy triệu năm trăm trăm nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng*) tiền nợ gốc và 8.840.763 đồng (*Tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng*) tiền nợ lãi.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong ông Nguyễn Đức T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150113-145024-0007 ngày 08/01/2015 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 817.000 đồng (*Tám trăm mười bảy nghìn đồng*).

Hoàn trả cho công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 471.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003920 ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn nơi người vắng mặt cư trú.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Huấn

Lê Duy

Phạm Minh Vương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương